TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14/10/2019
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Ngọc Biên và bà Nguyễn Thị Tin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 161/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thu Tr, sinh năm 1991; *(có mặt)*

Địa chỉ: Số nhà 50, tổ A, khu B, phường C, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Anh Lê Thanh H, sinh năm 1983; *(Có mặt)*

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Trịnh Thu Tr trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Thanh H kết hôn với nhau ngày 01/6/2017, trước khi kết hôn vợ chồng được tự nguyện tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Yên Dũng. Cưới xong vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại thành phố Bắc Ninh vì vợ chồng làm việc ở đó. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ khoảng tháng 9 năm 2017, nguyên nhân do khi đó chị mới biết anh H có con riêng với người phụ nữ khác từ trước khi cưới chị. Gia đình hai bên có dàn xếp, hòa giải nên chị chấp

nhận bỏ qua và tiếp tục chung sống cùng anh H. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau. Đến tháng 01/2019 chị có về nhà đẻ ở Quảng Ninh để sinh con, từ khi chị sinh con anh H ít quan tâm, chăm sóc chị mà vẫn thường xuyên qua lại với người phụ nữ kia và con riêng của anh H. Anh, chị ly thân nhau từ tháng 01/2019 đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị được ly hôn với anh Lê Thanh H.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lê Thanh Tuệ N, sinh ngày 20/01/2019. Hiện nay đang ở với chị. Nay ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị theo quy định của pháp luật, tại phiên hòa giải ngày 14/8/2019 và tại phiên tòa chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

- Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng không có vướng mắc gì, do vậy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là anh Lê Thanh H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tr kết hôn ngày 01/6/2017, trước khi kết hôn vợ chồng được tự nguyện tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Yên Dũng. Cưới xong vợ chồng chung sống cùng nhau tại thành phố Bắc Ninh. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 9/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị Tr biết thông tin anh có con riêng với người phụ nữ khác từ trước khi cưới chị Tr. Gia đình hai bên có dàn xếp, hòa giải nên chị Tr bỏ qua và tiếp tục chung sống cùng anh, anh vẫn quan tâm chăm sóc chị Tr. Đến tháng 01/2019 chị Tr muốn được về nhà đẻ ở tỉnh Quảng Ninh để sinh con nên anh đã đồng ý. Những lần anh về Quảng Ninh thăm mẹ con chị Tr thì vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau. Mâu thuẫn đỉnh điểm vào tháng 4/2019 khi chị Tr nhận được những thông tin sai lệch về anh. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Nay, chị Tr xin ly hôn anh không đồng ý, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Lê Thanh Tuệ N, sinh ngày 20/01/2019. Hiện nay con chung đang ở với chị Tr. Nếu ly hôn anh đồng ý để chị Tr được tiếp tục nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con:không đặt thành yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất: Vợ chồng không có vướng mắc gì, do vậy anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa các bên đương sự giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp

luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thu Tr được ly hôn anh Lê Thanh H.

Về con chung: Giao cho chị Trịnh Thu Tr trực tiếp nuôi con chung Lê Thanh Tuệ N, sinh ngày 20/01/2019.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra giải quyết.

Về tài sản, công nợ và ruộng đất: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thu Tr và anh Lê Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Yên Dũng vào ngày 01/6/2017. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Tr phát hiện ra anh H có mối quan hệ với người phụ nữ khác và đã có con riêng từ trước khi kết hôn với chị Tr. Anh, chị đã hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng tiếp tục cuộc sống chung, nhưng cũng chỉ được thời gian ngắn vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Hai bên đã hàn gắn, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hội đồng xét xử thấy: Thực tế vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2019 cho đến nay, Quá trình làm việc tại Tòa án, Tòa án đã tiến hành hỏa giải hàn hắn tình cảm vợ chồng nhiều lần, bản thân anh H xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra không lớn, anh vẫn còn tình cảm với chị Tr nên mong muốn chị Tr về đoàn tụ, ngoài đề nghị Tòa án tạo điều kiện về thời gian cũng như hòa giải thì anh không có phương pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bản thân chị Tr xác đinh không còn môt chút tình cảm vợ chồng với anh H. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân giữa chị Trịnh Thu Tr và anh Lê Thanh H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng cũng không thể có hạnh phúc. Xét yêu cầu của chị Tr là phù hợp với thực tế cuộc sống chung của vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, cần xử cho chị Tr được ly hôn với anh H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Tr và anh H có một con chung là Lê Thanh Tuệ N, sinh ngày 20/01/2019. Hiện nay con chung đang ở cùng chị Tr. Vợ chồng ly hôn, chị Tr và

anh H thống nhất để chị Tr trực tiếp nuôi con. Xét thấy: Con chung còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên cần giao cho chị Tr tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr, anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất: Chị Tr, anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thu Tr được ly hôn anh Lê Thanh H.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên: Giao cho chị Trịnh Thu Tr tiếp tục trực tiếp nuôi con Lê Thanh Tuệ N, sinh ngày 20/01/2019.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về án phí: Chị Trịnh Thu Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2016/0002873 ngày 12/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị Tr đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Q, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Tân Thịnh